

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2025/DS-PT

Ngày: 30/12/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Vân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hành và bà Lê Thị Mỹ Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Chu Thị Sáu – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2025/TLPT-DS ngày 03/11/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2025/DS-ST ngày 30/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 175/2025/QĐXX-PT ngày 14 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ Phần M1 (Mars); Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà V, số I D, phường C, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Chí T1, Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: Số A P, phường T, thành phố Đà Nẵng (Văn bản ủy quyền số 6061/2025/UQ-MARS ngày 30/11/2025), có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lương Thị N, sinh năm 1966; Địa chỉ: Tổ A, phường L (N là Tổ C, phường N), tỉnh Quảng Ngãi. Chỗ ở hiện nay: Số I L, phường C, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân Hàng TMCP V (V1); Địa chỉ: Tòa V, số H L, phường G, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng L – Chức vụ: Giám đốc trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý (Theo văn bản ủy quyền số 38a/2024/UQN-CTQT ngày 01/6/2024). Người được ủy quyền

lại: Ông Tào Viết T2 – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ: Số E H, phường C, thành phố Đà Nẵng (Văn bản ủy quyền số 290/2025/UQ-KHCN ngày 10/6/2025), có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Ông Lưu Đức L1, sinh năm 1972. Địa chỉ: Cà phê N, Xóm F, thôn P, xã T, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Lương Thị N – Là bị đơn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Theo Hợp đồng mua bán nợ số 03/2023/VPB-MARS ngày 30/12/2023, Hợp đồng chuyển nhượng số 02/2023/VPB-MARS ngày 29/12/2023 cùng Phụ lục 01 đính kèm giữa Ngân hàng TMCP V (V1) với Công ty TNHH MTV M1 (M1) thì V1 đồng ý bán và M đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là bà Lương Thị N, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà bà Lương Thị N đã ký kết với V1. Theo đó, V1 đã chuyển toàn bộ quyền sở hữu, quyền và lợi ích của V1 đối với các khoản vay này cho M, M được kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của V1 tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho đến khi giải quyết xong toàn bộ khoản nợ.

Ngày 16/4/2024, Công ty TNHH MTV M1 đã được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần M1 với mã số doanh nghiệp và trụ sở của Công ty giữ nguyên. Việc thay đổi mô hình Công ty không làm ảnh hưởng đến các giao dịch, quan hệ, đối tác, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ cũng như thực hiện các hợp đồng, giao dịch hiện tại. Thông tin khoản nợ vay giữa bà Lương Thị N và V1 cụ thể như sau:

Hợp đồng cho vay số: LN2211287583623 ký ngày 29/11/2022 và các Khế ước nhận nợ (KUNN), cụ thể:

- Theo KUNN ngày 30/11/2022, số tiền giải ngân: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng); Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh hải sản. Thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 11.5%/năm, lãi suất cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ thời điểm giải ngân. Sau đó, lãi suất định kỳ điều chỉnh 01 tháng/lần, mức điều chỉnh được xác định bằng lãi suất cơ sở VND áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm được bên Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.7%. Dư nợ tạm tính đến ngày 30/7/2025 là: Nợ gốc: 500.000.000 đồng, nợ lãi: 179.079.424 đồng, phạt chậm trả: 30.615.222 đồng. Tổng cộng: 709.694.646 đồng.

- Theo KUNN ngày 06/01/2023, số tiền giải ngân: 120.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh hải sản. Thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 12%/năm, lãi suất cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ thời điểm giải ngân. Sau đó, lãi suất định kỳ điều chỉnh 01 tháng/lần, mức điều chỉnh được xác định bằng lãi suất cơ sở VND áp dụng đối với khoản vay có

tài sản bảo đảm được bên Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.7%.

Dư nợ tạm tính đến ngày 30/7/2025 là: Nợ gốc: 120.000.000 đồng, nợ lãi: 42.925.682 đồng, phạt chậm trả: 7.338.528 đồng. Tổng cộng: 170.264.210 đồng.

- Theo KUNN ngày 10/12/2022, số tiền giải ngân: 250.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh hải sản. Thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 12%/năm, lãi suất cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ thời điểm giải ngân. Sau đó, lãi suất định kỳ điều chỉnh 01 tháng/lần, mức điều chỉnh được xác định bằng lãi suất cơ sở VND áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm được bên Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.7%.

Dư nợ tạm tính đến ngày 30/7/2025 là: Nợ gốc: 250.000.000 đồng, nợ lãi là: 89.434.539 đồng, phạt chậm trả: 15.289.631 đồng. Tổng cộng: 354.724.170 đồng.

- Theo KUNN ngày 01/12/2022, số tiền giải ngân: 1.630.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh hải sản. Thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 11.5%/năm, lãi suất cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ thời điểm giải ngân. Sau đó, lãi suất định kỳ điều chỉnh 01 tháng/lần, mức điều chỉnh được xác định bằng lãi suất cơ sở VND áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm được bên Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.7%.

Dư nợ tạm tính đến ngày 30/7/2025 là: Nợ gốc: 1.630.000.000 đồng, Nợ lãi: 583.250.372 đồng, phạt chậm trả: 99.711.844 đồng. Tổng cộng: 2.312.962.216 đồng.

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 10/12/2022 với hạn mức 280.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, ngày giải ngân: 23/12/2022.

Dư nợ tạm tính đến ngày 30/7/2025 là: Nợ gốc: 244.576.701 đồng, nợ lãi: 158.696.317 đồng, phạt chậm trả: 17.197.228 đồng. Tổng cộng: 420.470.246 đồng.

Tài sản thế chấp cho các khoản vay nêu trên là: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 154, tờ bản đồ số 43, địa chỉ tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 600904, số vào sổ GCN: CS 025666 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 25/11/2021, chỉnh lý biến động chuyển nhượng cho bà Lương Thị N.

Tài sản được thế chấp tại V1 theo Hợp đồng thế chấp ký ngày 29/11/2022, số công chứng 19536, Quyền số: 11/2022 TP/CC-SCC/HĐGD được lập tại Văn phòng C và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà Lương Thị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang quá hạn. Tạm tính đến ngày 30/7/2025, bà Lương Thị N còn nợ Công ty M1 tổng số tiền là 3.968.115.448 đồng; trong đó: Tổng nợ gốc là 2.744.576.701 đồng; tổng nợ lãi là 1.053.386.334 đồng, tổng phạt chậm trả là: 170.152.453 đồng.

Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Lương Thị N phải trả cho Công ty Cổ phần M1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/7/2025 là 3.968.115.448 đồng; trong đó: Tổng nợ gốc là 2.744.576.701 đồng; tổng nợ lãi là 1.053.386.334 đồng, tổng phạt chậm trả là: 170.152.453 đồng. Yêu cầu bà N tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 31/7/2025 theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ cho đến khi trả xong nợ cho Công ty Cổ phần M1. Trường hợp bị đơn không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Công ty Cổ phần M1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 154, tờ bản đồ số 43, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 600904, số vào sổ GCN: CS 025666 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 25/11/2021, chỉnh lý biến động chuyển nhượng cho bà Lương Thị N để thu hồi nợ.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà Lương Thị N phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần M1 cho đến khi trả nợ xong.

** Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lương Thị N trình bày:*

Bà và Ngân hàng TMCP V có ký kết các Hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2211287583623 ngày 29/11/2022 với hạn mức cho vay 2.500.000.000 đồng và Các khế ước nhận nợ (KUNN), cụ thể như sau:

Khế ước nhận nợ ngày 30/11/2022 với số tiền vay: 500.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ ngày 10/12/2022 với số tiền vay là: 250.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ ngày 01/12/2022 với số tiền vay là: 1.630.000.000 đồng Khế ước nhận nợ ngày 06/01/2023 với số tiền vay là: 120.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng, giải ngân cùng ngày nhận nợ.

Bà thừa nhận còn nợ tổng số tiền gốc và lãi; tài sản thế chấp và việc mua bán nợ như Công ty Cổ phần M1 yêu cầu và đồng ý trả số nợ trên cho Công ty. Trường hợp bà không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì đồng ý xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Công ty Cổ phần M1 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 154, tờ bản đồ số 43, xã T, huyện S (nay là xã T), tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DD 600904, số vào sổ GCN: CS 025666 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 25/11/2021, cập nhật thay đổi thông tin chủ sở hữu lần cuối ngày 12/10/2022, theo Hợp đồng thế chấp ngày 29/11/2022, số công chứng 19536, quyền số 11/2022 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất

đại huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thanh toán số nợ thì bà N có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số nợ còn lại cho Công ty M1.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP V trình bày:*

Bà Lương Thị N vay vốn tại Ngân hàng TMCP V (V1) theo các Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

Hợp đồng cho vay số: LN2211287583623 ký ngày 29/11/2022 với số tiền 2.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng và các Khế ước nhận nợ kèm theo;

Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ với hạn mức 280.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng (Gọi tắt là Hợp đồng LD2235700427 ngày 10/12/2022).

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 154, tờ bản đồ số 43, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp ngày 29/11/2022, số công chứng 19536, Quyền số: 11/2022 TP/CC-SCC/HĐGD được lập tại Văn phòng C và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Lương Thị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ các khoản nợ đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn.

Từ ngày 29/12/2023, V1 đã tiến hành bán các khoản nợ của bà Lương Thị N sang cho Công ty Cổ phần M1 (gọi tắt là Công ty M1) theo các Hợp đồng mua bán nợ số 03/2023/VPB-MARS ngày 30/12/2023 và Phụ lục đính kèm ký giữa V1 với Công ty M1, cụ thể như sau: Toàn bộ (100%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số: LN2211287583623 ký ngày 29/11/2022 và Hợp đồng LD2235700427 ngày 10/12/2022.

Như vậy, Công ty M1 kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của V1 phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo, trong đó có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay tại Tòa án theo quy định pháp luật.

** Ông Lưu Đức L1 vắng mặt và không có ý kiến trình bày.*

Bản án số 08/2025/DS-ST ngày 30/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực I – Quảng Ngãi đã xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần M1.

Buộc bà Lương Thị N phải trả cho Công ty Cổ phần M1 tổng số tiền là 3.968.115.448 đồng; trong đó: Tổng nợ gốc là 2.744.576.701 đồng; tổng nợ lãi là 1.053.386.334 đồng, tổng phạt chậm trả là: 170.152.453 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng hạn mức, các Khế ước nhận nợ và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ kể từ ngày 31/7/2025 cho đến ngày trả hết nợ.

Trong trường hợp bà Lương Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Cổ phần M1 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 154, tờ bản đồ số 43, xã T, huyện S (N là xã T), tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 600904, số vào sổ GCN: CS 025666 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 25/11/2021, chỉnh lý biến động chuyển nhượng đứng tên bà N ngày 12/10/2022; Theo Hợp đồng thế chấp số 19536 ngày 29/11/2022 giữa V1 và bà Lương Thị N do Văn phòng C chứng thực và được đăng ký thế chấp theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 22/9/2025, bà Lương Thị N kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm. Lý do: Bà vay Ngân hàng là vay giúp ông Lưu Đức L1; ông Nguyễn Thế N1 (Cán bộ Thi hành án) cạy cửa lấy toàn bộ giấy tờ, chứng cứ nên bà không thực hiện được quyền phản tố, bà yêu cầu hủy bản án để thực hiện quyền phản tố. Tại phiên tòa, bà N giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đánh giá đúng tính chất sự việc. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà Lương Thị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền, người tham gia tố tụng đúng quy định. Bị đơn kháng cáo trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

Về việc vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lưu Đức L1 vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

[2.1] Bà Lương Thị N kháng cáo cho rằng bà chưa thực hiện được quyền phản tố theo quy định.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 05/12/2024, Tòa nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi) ra thông báo về việc thụ lý vụ án, đến ngày 10/12/2024, bị đơn bà Lương Thị N nhận được Thông báo thụ lý vụ án qua đường bưu điện. Nội dung thông báo quy định rõ thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo này bị đơn có quyền yêu cầu phản tố (nếu có). Tuy nhiên, cho đến ngày 08/5/2025, Tòa nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Nay là Tòa án khu vực 1- Quảng Ngãi) mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì bị đơn bà Lương Thị N vẫn không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong đơn kháng cáo bà trình bày lý do bị người tên Nguyễn Thế N1 cạy cửa lấy toàn bộ chứng cứ về việc phản tố của bà và bà đi Hà Nội để yêu cầu giám đốc thẩm một vụ án khác. Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, bị đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình. Vì vậy, HĐXX không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của bà.

[2.2] Xét kháng cáo nội dung, bà N cho rằng vay số tiền 2.500.000.000 đồng tại Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1) là vay hộ ông Lưu Đức L1.

Thấy rằng: Căn cứ vào hồ sơ vụ án thể hiện, Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2211287583623 ngày 29/11/2022 được ký kết giữa Ngân hàng V1 và bà Lương Thị N với hạn mức cho vay là 2.500.000.000 đồng. Theo các Khế ước nhận nợ các ngày 30/11/2022, 06/01/2023, 10/12/2022, 01/12/2022 đều có chữ ký của bà Lương Thị N. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà N thừa nhận bà có vay tại Ngân hàng V1 số tiền 2.500.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, bà N thực hiện ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức và các Khế ước nhận nợ là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Việc bà trình bày bà vay hộ ông Lưu Đức L1 nhưng không có chứng cứ chứng minh. Mặt khác, trường hợp bà N chứng minh được vay hộ cho ông L1 là việc cá nhân giữa bà và ông L1, nếu có căn cứ thì bà N khởi kiện ông L1 bằng vụ kiện dân sự khác. Cấp sơ thẩm xử chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Lương Thị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự: Do kháng cáo của bị đơn là bà Lương Thị N không được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 293, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Lương Thị N.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 30/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi.
3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Lương Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001447 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi, bà N đã nộp đủ.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 30/12/2025).

Nơi nhận:

- VKSND T. Quảng Ngãi;
- Thi hành án dân sự T. Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 1;
- TAND khu vực 1;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Thị Vân

